

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

NGÀNH : KẾ TOÁN

MÃ NGÀNH : 8340301

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ...204.../QĐ-UEF ngày 10.../...4.../2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: KẾ TOÁN
- Tên tiếng Anh: ACCOUNTING

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Kế toán
- Tên tiếng Anh: Master of Accounting

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Bậc trình độ: Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Khóa học áp dụng: 2024 - 2026.

1.2. Mục tiêu đào tạo:

a) Mục tiêu chung (Program Goals)

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng; đào tạo cho học viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp vững vàng và chuyên nghiệp; có kiến thức chuyên sâu về Kế toán - tài chính; có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo; có năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề liên quan đến Kế toán - tài chính và vận dụng tốt vào thực tế công việc; có khả năng nghiên cứu, học tập suốt đời.

b) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

PO1 (Kiến thức). Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về triết học; kiến thức thực tế sâu, rộng liên quan đến Kế toán - tài chính; kiến thức lý thuyết chuyên sâu, hiện đại về Kế toán - tài chính và các kiến thức liên ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, kiểm toán, pháp luật.

PO2 (Kỹ năng). Rèn luyện cho người học kỹ năng tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin; nhận biết và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Kế toán - tài chính; cũng như hoạch định, tổ chức và quản lý các hoạt động liên quan trong lĩnh vực; có kỹ năng ngoại ngữ để có thể giao tiếp và phát triển nghề nghiệp trong môi trường quốc tế; có kỹ năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh

tranh cao; có năng lực tự nghiên cứu và tự học tập suốt đời.

PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực nghiên cứu ứng dụng, tự định hướng, đưa ra những sáng kiến quan trọng, những kết luận mang tính chuyên gia; năng lực, quản lý, hướng dẫn người khác cũng như đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực Kế toán - tài chính.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: /QĐ-UEF ngày / /2024 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, hệ chính quy, khóa 2024.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy. Trong đó:

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức				Số học phần/môn học
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %	
I.	Kiến thức chung	4	4	-	6,7%	1
1.1	Triết học	4	4	-		1
II.	Kiến thức ngành	41	26	15	68,3%	14
2.1	Nghiên cứu khoa học	5	5	-	8,3%	2
2.1.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	-		1
2.1.2	Chuyên đề nghiên cứu QTKD/TC-NH/Kế toán/Luật Kinh tế/ Ngôn ngữ Anh (Viết luận văn tốt nghiệp)/QHCC	2	2	-		1
2.2	Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành	36	21	15	60,0%	12
2.2.1	Bắt buộc	21	21	-	-	7
2.2.2	Tự chọn	15	-	15	-	5

III.	Kiểm thức tốt nghiệp	15	15	-	25,0 %	2
3.1	Chuyên đề thực tế	6	6	-	-	1
3.2	Đề án tốt nghiệp	9	9	-	-	1
	Tổng cộng	60	45	15	100%	17
			75.0%	25.0%		

2.2. Khung chương trình:

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
I. Kiến thức chung						4						
1.1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB		4	4					
II. Kiến thức ngành						41						
II.1. Nghiên cứu khoa học						5						
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Method of Research	BB		3	3					
2.2	ACC6119	Chuyên đề nghiên cứu kế toán	Research Project in Accounting	BB		2	2					
II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành						36						
2.3	ECO6101	Kinh tế học	Economics	BB		3	3					
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	Statistics and Data Analysis	BB		3	3					
2.5	ACC6110	Kế toán tài chính	Financial Accounting	BB		3	3					
2.6	ACC6111	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	BB		3	3					
2.7	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	Financial Econometrics	BB		3	3					
2.8	ACC6106	Phân tích tài chính	Financial Analysis	BB		3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
Tổng khối lượng kiến thức						60						

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

2.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Học kỳ 1														
1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB			4	60	45	15			90	V.ĐTSDH
2	ECO6101	Kinh tế học	Economics	BB			3	45	28	17			60	V.ĐTSDH
3	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Method of Research	BB			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
4	ACC6111	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	BB			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
5	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	Financial Econometrics	BB			3	45	45				60	V.ĐTSDH
		Cộng					16	240	178	62			330	
Học kỳ 2														

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
6	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	Statistics and Data Analysis	BB			3	45	19	26			60	V.ĐTSDH
7	ACC6110	Kế toán tài chính	Financial Accounting	BB			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
8	ACC6114	Lý thuyết kế toán (Các trường phái kế toán)	Accounting theory (School of Accounting)	BB			3	45	45				60	V.ĐTSDH
9	ACC6106	Phân tích tài chính	Financial Analysis	BB			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
10	ACC6119	Chuyên đề nghiên cứu kế toán	Research Project in Accounting	BB			2	30	15	15			40	V.ĐTSDH
		Cộng					14	210	139	71			280	
	Học kỳ 3													
		<i>Chọn 5/8 học phần dưới đây</i>												V.ĐTSDH
11	ACC6112	Kiểm toán	Auditing	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
12	ACC6109	Kế toán công	Public Accounting	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
13	LAW6101	Luật Hợp đồng	Contract Law	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
14	ACC6116	Kiểm soát nội bộ	Internal control	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
15	ACC6117	Đạo đức kế toán kiểm toán	Ethics in accounting and auditing	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
16	ACC6118	Kế toán tài chính quốc tế	International Financial Accounting	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
17	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	Financial derivatives and risk	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
18	ACC6108	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
		Cộng					15	225	150	75			300	
	Học kỳ 4													
19	ACC6402	Chuyên đề thực tế	Practical topics	BB			6				X			V.ĐTSDH
20	ACC6403	Đề án tốt	Minor Thesis	BB			9				X			V.ĐTSDH

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
		ngành												
		Cộng					15							

2.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo

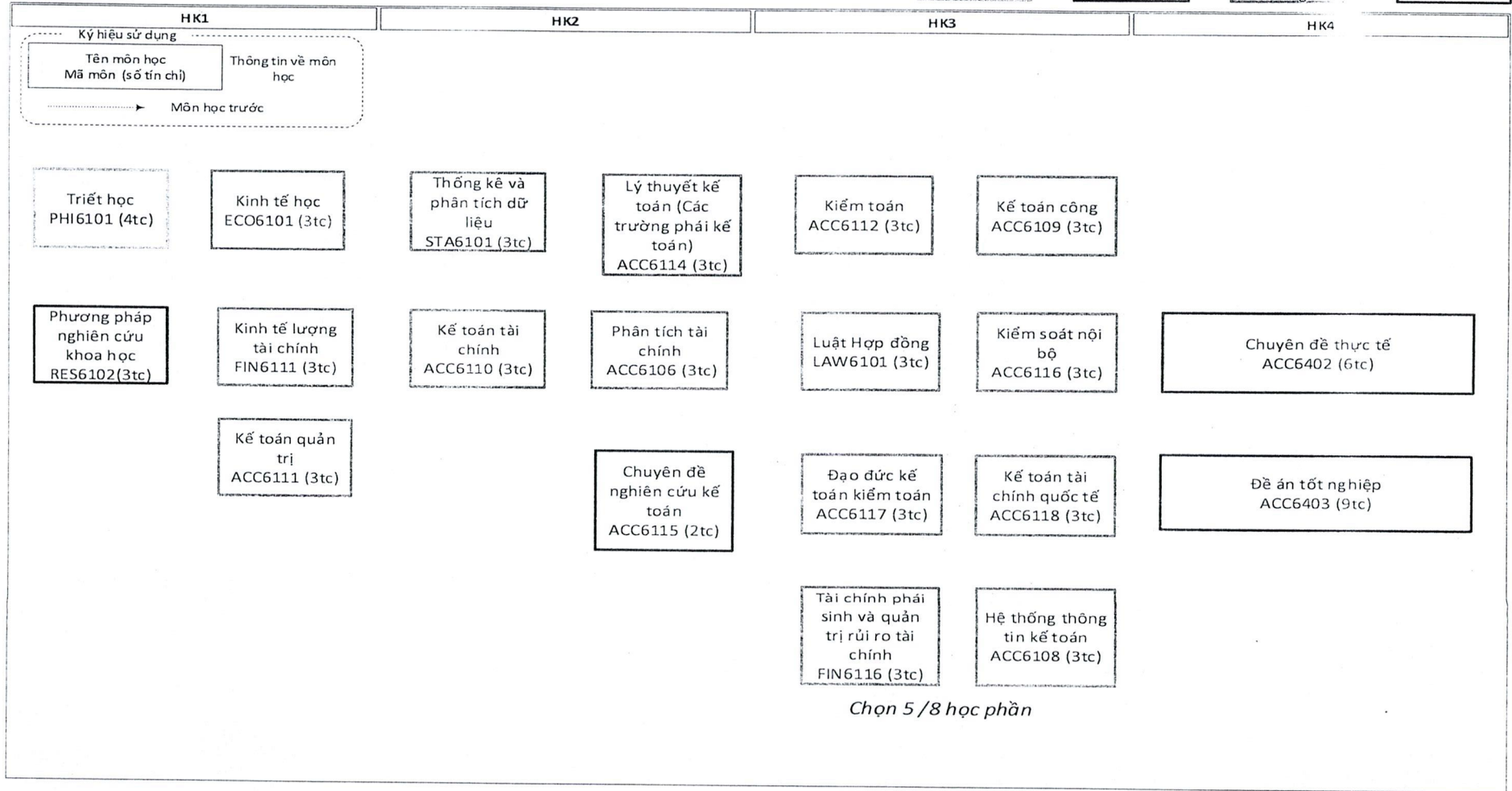
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - KHÓA 2024**

Kiến thức chung

Nghiên cứu khoa học

Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành

Tốt nghiệp



Chọn 5/8 học phần

2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
I. Kiến thức chung				
1.1	PIII6101	Triết học	4	<p>Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p> <p>Học phần có 8 chương, bao gồm: Mở đầu (chương 1. Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Ba chương (chương 2. Bản thể luận; chương 3. Pháp biện chứng; chương 4. Nhận thức luận): bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Bốn chương (chương 5. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; chương 6. Triết học chính trị; chương 7. Ý thức xã hội; chương 8. Triết học về con người): bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người.</p>
1.2	RIIS6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	<p>Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp,... cũng như hoàn thành Đề án tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.</p> <p>Nội dung chính bao gồm: Giới thiệu phương pháp nghiên cứu và Quy trình nghiên cứu khoa học; Xác định vấn đề, mục tiêu, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu; Tổng quan tài liệu; Bản chất,</p>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				dạng số liệu đo lường, phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu; lựa chọn khung phân tích và thiết kế nghiên cứu; thiết kế mẫu và thu thập thông tin; phân tích số liệu; viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.
II. Kiến thức ngành				
2.1	ECO6101	Kinh tế học	3	Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau.
2.2	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	3	Học phần cung cấp cho học viên hệ thống các kiến thức về chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê. Từ đó, giúp học viên khái quát được hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp thống kê; vận dụng được quy trình thống kê trong thực tế, vận dụng phương pháp chọn mẫu trong kinh tế, áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho học viên những kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng cơ bản được ứng dụng trong nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học viên có khả năng ứng dụng các mô hình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				kinh tế lượng vào nghiên cứu học thuật dưới sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê như SPSS, AMOS.
2.3	ACC6110	Kế toán tài chính	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam; trang bị cho học viên những kỹ năng tự nghiên cứu, phát triển bản thân và nghề nghiệp chuyên môn trong môi trường làm việc cạnh tranh cao cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kế toán.
2.4	ACC6111	Kế toán quản trị	3	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức mang tính chuyên sâu và nâng cao về lý thuyết và thực hành kế toán quản trị trong các đơn vị nhằm cung cấp thông tin kế toán phục vụ chức năng quản lý, bao gồm: kế toán quản trị dưới góc nhìn trong mối quan hệ C-V-P, kế toán chi phí theo công việc và theo quá trình; kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động (ABC); lập dự toán ngân sách; kiểm soát ngân sách và kế toán trách nhiệm; chi phí chuẩn và thẻ điểm cân bằng; các quyết định về giá bán và ứng dụng các thông tin trong việc đưa ra các quyết định quản trị ngắn hạn của đơn vị.
2.5	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về kinh tế lượng nâng cao. Cụ thể là các trường hợp mô hình hồi quy vi phạm tiêu chuẩn tổng bình phương bé nhất (OLS) như đa cộng tuyến, phương sai nhiều thay đổi và tự tương quan. Ngoài ra, chương trình cũng trang bị cho học viên một số mô hình rất phổ biến để nghiên cứu và phân tích sâu những hiện tượng kinh tế như: Mô hình hồi quy biến trễ; Mô hình xác suất; Mô hình với dữ liệu bảng; Mô hình ARIMA; Mô hình ARCI; Đặc biệt là mô hình BEA; Mô hình SEM rất phù hợp để phân tích

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				những tình huống kinh tế thuộc chuyên ngành kế toán.
2.6	ACC6114	Lý thuyết kế toán (Các trường phái kế toán)	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về kế toán qua nhiều giai đoạn của lịch sử phát triển của loài người theo các trường phái kế toán khác nhau và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán; sự vận dụng các lý thuyết này trong việc xây dựng các nguyên tắc kế toán được áp dụng chế độ kế toán cũng như chuẩn mực kế toán tại một số quốc gia. Qua đó, rút kết được kế toán là một hệ thống thông tin hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau với nhiều quan điểm khác nhau; và được sử dụng phản ánh quá khứ, hiện tại và tương lai, là ngôn ngữ trong kinh doanh nhằm cung cấp thông tin đáp ứng cho việc hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát, và ra quyết định cho các đối tượng sử dụng.
2.7	ACC6119	Chuyên đề nghiên cứu kế toán	2	Học phần giúp cho người học hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu khoa học để xây dựng đề cương chi tiết của đề án tốt nghiệp cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc quy định, hướng dẫn của Nhà trường.
2.8	ACC6112	Kiểm toán	3	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về các loại kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; quy trình thực hiện một hoạt động kiểm toán từ việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành; đồng thời có kiến thức và kỹ năng thực hiện tốt các dịch vụ đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đối với từng khách hàng riêng biệt.
2.9	ACC6109	Kế toán công	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán hành chính sự nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam cũng như kế toán trong khu vực công theo chuẩn

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				mục kế toán công quốc tế; trang bị cho học viên những kỹ năng tự nghiên cứu, phát triển bản thân và nghề nghiệp chuyên môn trong môi trường làm việc cạnh tranh cao cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kế toán hành chính sự nghiệp
2.10	LAW6101	Luật Hợp đồng	3	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức liên quan đến tất cả các loại hợp đồng, như: khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.
2.11	ACC6116	Kiểm soát nội bộ	3	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kiểm soát nội bộ. Nội dung chính của học phần bao gồm: khái niệm và vai trò của kiểm soát nội bộ đối với việc phát hiện và ngăn ngừa rủi ro, gian lận trong hoạt động kinh doanh, sự phát triển của hoạt động kiểm soát nội bộ theo sự phát triển của hoạt động quản trị và cách thức để thiết kế, đánh giá hoạt động kiểm soát đối với các hoạt động chính của doanh nghiệp, như : mua hàng, bán hàng, tiền, chi phí lương,...
2.12	ACC6117	Đạo đức kế toán kiểm toán	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính, kế toán - kiểm toán, tài chính cũng như kiến thức chuyên sâu về những quy định, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính, kế toán trên cả 2 giác độ là quy định của pháp lý và khuyến cáo của Hiệp hội nghề nghiệp. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho học viên những kỹ năng tự nghiên cứu, phát triển bản thân và giữ vững phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chuyên môn trong môi trường làm việc

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				luôn thay đổi cũng như rèn luyện tính chủ động, trong việc chấp hành nghiêm túc những quy định, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp về tài chính, kế toán - kiểm toán ở cả khía cạnh khoa học và thực tiễn.
2.13	ACC6118	Kế toán tài chính quốc tế	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán - tài chính theo chuẩn mực kế toán tài chính quốc tế trong một số nội dung cụ thể (IAS, IFRS); trang bị cho học viên những kỹ năng tự nghiên cứu, phát triển bản thân và nghề nghiệp chuyên môn trong môi trường làm việc cạnh tranh cao, hội nhập sâu và rộng trong tiến trình quốc tế hoá, cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kế toán - tài chính theo chuẩn mực quốc tế.
2.14	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	3	Học phần Tài chính phái sinh và Quản trị rủi ro sẽ bổ sung và nâng cao cho học viên những kiến thức và công cụ cần thiết nhằm phát hiện, đo lường và hạn chế các rủi ro tài chính trong khi vẫn đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh. Rủi ro trong tài chính rất đa dạng và phức tạp, các rủi ro thường xảy ra cùng lúc và có ảnh hưởng lẫn nhau, như rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro thị trường... Vì vậy, các công cụ đo lường rủi ro cũng đòi hỏi phải phân tách được phạm vi cũng như mức độ tác động của các loại rủi ro này. Các công cụ đo lường rủi ro thường dùng trong tài chính như mô hình VAR, dùng phương pháp stress test,...Sau khi đo lường rủi ro, học phần sẽ giới thiệu các phương pháp quản trị rủi ro bằng các công cụ tài chính phái sinh như hợp đồng kì hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi. Đặc biệt, học phần tập trung nghiên cứu các kĩ thuật sử dụng các công cụ này phục vụ mục tiêu phòng ngừa rủi ro, và cách đánh giá hiệu quả phòng ngừa rủi ro với

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				từng hợp đồng cụ thể. Bên cạnh đó, các kỹ thuật mới nhằm kết hợp hai hay nhiều công cụ phái sinh để tạo ra chiến lược phòng ngừa rủi ro hiệu quả hơn cũng được giới thiệu trong học phần này.
2.15	ACC6108	Hệ thống thông tin kế toán	3	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho người thực hành trong lĩnh vực kế toán - tài chính và nhà quản lý nhằm hỗ trợ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và quản trị tài chính trong hoạt động tổ chức, kiểm soát hệ thống kế toán - tài chính máy. Theo định hướng ứng dụng trong ngữ cảnh của CMCN 4.0, học phần này cung cấp kiến thức tổ chức hệ thống kế toán - tài chính một cách hiệu quả cho các vị trí việc làm bao gồm người sử dụng hệ thống thông tin kế toán; người hành nghề kiểm toán; các nhà quản lý tài chính và cả các nhà quản lý nói chung, đánh giá về sự hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán và nhóm người tư vấn phát triển hệ thống thông tin kế toán cho các tổ chức, đơn vị.
III. Kiến thức tốt nghiệp				
3.1	ACC6402	Chuyên đề thực tế	6	Học phần này giúp học viên thực hành chuyển tải các kiến thức trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh thành một chuyên đề nghiên cứu một vấn đề lý luận hoặc một vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập/đơn vị đang công tác và thể hiện chúng qua việc trình bày chuyên đề. Kết quả nghiên cứu sẽ làm cơ sở nền tảng cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp.
3.2	ACC6403	Đề án tốt nghiệp	9	Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề án tốt nghiệp.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				<p>Học phần này có mục tiêu giúp học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định; • Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan đến vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography); • Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu. • Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO:

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UIH, được tổ chức đào tạo theo định hướng lồng ghép giữa các kiến thức quản trị và các kiến thức chuyên sâu về kế toán-tài chính, như: kế toán quản trị, kế toán tài chính, kế toán tài chính quốc tế, kiểm soát nội bộ, hệ thống thông tin kế toán và phân tích tài chính.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý cho Viện đào tạo Sau Đại học và các Trường ngành đào tạo Sau Đại học.

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UBF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Viện Đào tạo sau đại học tiếp nhận tờ trình từ trưởng ngành sau đại học, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Viện Đào tạo sau đại học tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được Trưởng ngành sau đại học gửi cho Viện Đào tạo sau đại học rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo. /*fn*



TS. Nguyễn Thanh Giang